

Bản án số: **57/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 09/8/2021

“V/v: ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thể và ông Nguyễn Sơn Hải.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2021 về việc *“ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Tả Văn Ph, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Chị Vàng Thị M, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tả Văn Ph. và chị Vàng Thị M. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/9/2012. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng bình thường, hạnh phúc. Năm 2018 chị M. đi làm ăn xa từ đó không về địa phương nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tháng 5/2021 anh Tả Văn Ph. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị M.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tãi Văn Ph. trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, năm 2018 do kinh tế khó khăn chị M. đi làm thuê ở Hà Nội, nghe nói chị M. có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác từ đó không về nhà, chỉ thi thoảng gọi điện thoại hỏi thăm các con. Anh đã nhiều lần khuyên giải, gọi chị M. về nhưng chị không nghe, do vậy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hòa hợp. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị M.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Tãi Văn T, sinh ngày 02/7/2012 và Tãi Văn Kh, sinh ngày 05/5/2017, các cháu hiện đang ở với anh Tãi Văn Ph. Khi ly hôn anh Ph. đề nghị cho anh được nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không đề nghị chị M. cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Anh Tãi Văn Ph. không đề nghị giải quyết.

Về đất đai, công nợ chung: Anh Tãi Văn Ph. xác định không có, không đề nghị giải quyết

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Vàng Thị M. có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị M. và anh Tãi Văn Ph. kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện S. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M. đi làm ăn xa và nghe nói có quan hệ với người đàn ông khác, từ tháng 6/2018 chị M. không trở về địa phương, anh Ph. và gia đình đã nhiều lần điện thoại gọi chị M. về nhưng chị M. không về, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó.

Do bị đơn Vàng Thị M. không có mặt ở địa phương, không biết chị M. ở đâu, làm gì nên Tòa án không triệu tập được chị M. đến trụ sở để lấy lời khai, chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành phiên hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Anh Tãi Văn Ph. và chị Vàng Thị M. kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện S. là hôn nhân hợp pháp. Hiện tại chị M. không có mặt ở địa phương, anh Ph. và gia đình đã liên hệ nhưng chị M. không về, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho anh Tãi Văn Ph. được ly hôn với chị Vàng Thị M.; về con chung: Đề nghị giải quyết giao cháu Tãi Văn T, sinh ngày 02/7/2012 và Tãi Văn Kh, sinh ngày 05/5/2017 cho anh Tãi Văn Ph. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện anh Tải Văn Ph. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị M. và giao nuôi con chung khi ly hôn, không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Theo cung cấp của Chính quyền địa phương xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thì bị đơn chị Vàng Thị M. có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã M, huyện S, hiện chị M. đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, không xác định được chị M. ở đâu, làm gì. Như vậy, chị M. đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền cũng như anh Ph. biết. Đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tải Văn Ph. vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Vàng Thị M. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tải Văn Ph. và chị Vàng Thị M. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/9/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau do chị M. đi làm ăn xa có quan hệ với người đàn ông khác và không về địa phương, tình cảm vợ chồng dần rạn nứt không còn hòa hợp, từ tháng 6 năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân. Tháng 5/2021 anh Ph. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị M.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh Tải Văn Ph. và chị Vàng Thị M. thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho anh Tải Văn Ph. được ly hôn với chị Vàng Thị M.

- Về con chung: Anh Tải Văn Ph. và chị Vàng Thị M. có 02 con chung là cháu Tải Văn T, sinh ngày 02/7/2012 và Tải Văn Kh, sinh ngày 05/5/2017, các cháu hiện đang ở với anh Ph. tại Thôn N, xã M, huyện S.

Xét thấy, cháu Tải Văn T. và Tải Văn Kh. là con chung của anh Tải Văn Ph. và chị Vàng Thị M. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Hiện tại chị M. không có mặt ở địa phương, anh Ph. có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu, cháu T. có nguyện vọng được ở cùng với bố. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của anh Ph. giao cháu Tải Văn

T, sinh ngày 02/7/2012 và Tải Văn Kh, sinh ngày 05/5/2017 cho anh Tải Văn Ph. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Tải Văn Ph. không đề nghị Tòa án giải quyết
- Về đất đai, công nợ chung: Anh Tải Văn Ph. xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Do vậy, HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Tải Văn Ph. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tải Văn Ph. được ly hôn với chị Vàng Thị M.
2. Về con chung: Giao cháu Tải Văn T, sinh ngày 02/7/2012 và Tải Văn Kh, sinh ngày 05/5/2017 cho anh Tải Văn Ph. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Vàng Thị M. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Anh Tải Văn Ph. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003840 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Ph. đã nộp đủ án phí của vụ án.
4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến

